

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2022/DS-PT

Ngày: 25-4-2022.

V/v: Yêu cầu mở lối đi qua
bất động sản liền kề.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tâm

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Châu Thạch

Bà Lê Thị Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Nghi – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thu Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 169/2021/TLPT-DS ngày 08/11/2021, về việc “*Yêu cầu mở lối đi qua bất động sản liền kề*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 69/2021/DS-ST ngày 17/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 322/2021/QĐ-PT ngày 19/11/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 101/2021/QĐ-PT ngày 21/12/2021 giữa và Thông báo mở lại phiên tòa số: 129/TB-PT ngày 15/4/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Vợ chồng ông Lê Xuân T, sinh năm 1966 và bà Ngô Thị H, sinh năm 1971. Cùng trú tại: Thôn Tân L, xã Tân V, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

- *Bị đơn:* Vợ chồng ông Nông Văn N, sinh năm 1972 và bà Võ Thị X, sinh năm 1973. Cùng trú tại: Thôn Tân L, xã Tân V, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

Đại diện theo uỷ quyền: ông Nguyễn Kim Đ, sinh năm: 1964; Trú tại: thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Theo văn bản uỷ quyền ngày 17/12/2021. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Vợ chồng ông Nông Văn S, sinh năm 1929 và bà Lương Thị S, sinh năm 1935. Cùng trú tại: Thôn Tân L, xã Tân V, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bà Nông Thị Hồng N, sinh năm 1974. Cư trú tại: Thôn Tân L, xã Tân V, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bà Nông Thị Bạch C, sinh năm 1998. Cư trú tại: Thôn Tân L, xã Tân V, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

* Người kháng cáo: Bị đơn ông Nông Văn N và bà Võ Thị X.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Lê Xuân T, bà Ngô Thị H trình bày: ông bà có diện tích đất 1.801m² thuộc thửa 174 và 175, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại thôn Tân L, xã Tân V, huyện L, tỉnh Lâm Đồng đã được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 1997. Để đi vào đất này từ trước đến nay ông bà đi nhờ qua thửa 147, tờ bản đồ số 13 của ông N, bà X có lối đi qua với chiều rộng khoảng 2,5m. Ngoài con đường này ông, bà không còn con đường nào khác. Đến năm 2017 ông N, bà X tự ý rào lại con đường chỉ để lại một lối đi nhỏ có chiều rộng 1,3m, lối đi này quá nhỏ không thể vận chuyển nông sản, phân bón qua được. Ông bà đã nhiều lần nói chuyện tình cảm với ông N, bà X để mở cho lối đi có chiều rộng 2,5m như trước đây và sẽ thanh toán lại khoản tiền tương ứng với giá trị đất nhưng ông N, bà X không đồng ý mà chỉ cho mượn đất đi qua với chiều rộng 1,3m. Nay ông bà khởi kiện yêu cầu Tòa án mở 01 lối đi có chiều rộng 2,5m, chiều dài chạy dọc theo thửa 148 và chạy dọc theo suối vào tới đất của ông, bà là thửa 174.

Theo kết quả đo đạc của Tòa án thì con đường ông T, bà H yêu cầu có chiều rộng phần giáp thửa 147 là 2,6m, chiều rộng giáp thửa 174 là 2,5m, chiều dài giáp thửa 148 và giáp suối.

Nay ông T, bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc ông N, bà X mở đường theo kết quả đo đạc. Ông T, bà H đồng ý bồi thường cho ông N, bà X đối với diện tích đất 146m², cây trồng và công trình trên đất thuộc một phần thửa 147 theo kết quả định giá.

Bị đơn vợ chồng ông Nông Văn N, bà Võ Thị X trình bày: Ông bà có thửa đất số 147, tờ bản đồ số 13 tọa lạc tại thôn Tân L, xã Tân V, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Năm 1995 ông T, bà H mua lại một mảnh vườn phía dưới phần đất của gia đình ông bà không có đường đi qua nên ông bà tạm thời để cho ông T, bà H một lối đi có chiều rộng 1,3m, chiều dài 25m để đi lại vận

chuyển phân bón, cà phê. Việc ông T, bà H trình bày đã thương lượng với ông bà về việc để mua con đường đi là không đúng sự thật. Vì vậy, ông, bà không đồng ý mở con đường đi có chiều rộng 2,5m, chiều dài 25,4m, thuộc một phần thửa 147, tờ bản đồ 13 tọa lạc tại thôn Tân L, xã Tân V, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Gia đình ông T muốn mua con đường đi nói trên với giá 300.000.000đồng thì ông, bà đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nông Văn S, bà Lương Thị S trình bày: Ông bà là cha mẹ của ông N. Năm 1984, ông bà được nhà nước cấp đất tại xã Tân V, huyện L theo hộ kinh tế mới. Sau khi nhận đất ông bà canh tác, sử dụng ổn định đến năm 1997 ông bà đăng ký kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 2.228m² thuộc thửa 147, tờ bản đồ số 13 tọa lạc tại thôn Tân L, xã Tân V, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Năm 2009, ông bà tặng cho con trai, con dâu là ông N, bà X toàn bộ diện tích đất trên để canh tác sử dụng. Trước đây ông bà ở trong căn nhà trên thửa 147 nhưng hiện nay ông bà đã chuyển về ở nhà của ông N, bà X không còn ở trên đất này nữa. Căn nhà trên thửa 147 ông bà để lại là để làm nhà từ đường. Do đó qua yêu cầu mở lối đi của ông T, bà H đối với ông N bà X trên một phần thửa 147 thì ông bà không đồng ý vì để sau này ông N bà X nâng cấp nhà từ đường trên đất này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nông Thị Bạch Cúc trình bày: Chị là con của ông N, bà X. Phần diện tích đất ông T, bà H yêu cầu mở lối đi là của bố mẹ chị không liên quan đến chị. Do đó, chị không có ý kiến, không có yêu cầu gì.

Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số: 69/2021/DSST ngày 17/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện L đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng ông Lê Xuân T, bà Ngô Thị H về việc “Yêu cầu mở lối đi” với bị đơn vợ chồng ông Nông Văn N, bà Võ Thị X.

Buộc ông Nông Văn N, bà Võ Thị X phải giao cho ông Lê Xuân T, bà Ngô Thị H diện tích đất 142m² (trên đất có: một phần nhà tạm, 01 nhà vệ sinh kích thước 2,5m x 3m, diện tích là 7,5m²; 21 trụ bê tông kích thước 0,1m x 0,1m x 3,5m; 01 cây mận, 14 cây phát tài) thuộc một phần thửa 147, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại thôn Tân L, xã Tân V, huyện L, tỉnh Lâm Đồng để làm lối đi có kích thước cụ thể như sau: chiều rộng giáp thửa 147 là 2,6m và giáp thửa 174 là 2,5m; chiều dài giáp thửa 148 là 38,9m và giáp thửa 147 là

36,5m; chiều dài phần gấp khúc giáp suối là 18,2m và giáp thửa 147 là 16,6m.

Diện tích 04m² thuộc một phần thửa 147, tờ bản đồ số 13, xã Tân V, huyện L, tỉnh Lâm Đồng tiếp giáp với lối đi mở cho ông T, bà H có kích thước 2,6m x 3,5m x 2,5m x 3,6m là lối đi chung của vợ chồng ông Nông Văn N, bà Võ Thị X với vợ chồng ông Lê Xuân T, bà Ngô Thị H.

(Có trích lục họa đồ kèm theo)

Ông Lê Xuân T, bà Ngô Thị H được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Buộc ông Lê Xuân T, bà Ngô Thị H phải đền bù cho vợ chồng ông Nông Văn N, bà Võ Thị X 43.284.000đồng (Bốn mươi ba triệu hai trăm tám mươi tư nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/10/2021, bị đơn vợ chồng ông Nông Văn N và bà Võ Thị X nộp đơn kháng cáo, không đồng ý toàn bộ nội dung của bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay,

Bị đơn, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại giá trị định giá đối với giá trị đất mở lối đi vì không sát với giá thị trường.

Nguyên đơn đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại giai đoạn phúc thẩm cũng như tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời nêu quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử: chấp nhận kháng cáo của bị đơn vợ chồng ông Nông Văn N và bà Võ Thị X, căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vợ chồng ông Nông Văn S và bà Lương Thị S, bà Nông Thị Hồng N, bà Nông Thị Bạch C có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp: Xuất phát từ việc vợ chồng ông Lê Xuân T, bà Ngô Thị H là chủ sử dụng diện tích đất thuộc thửa 174,175 phía trong bị vây bọc bởi suối và thửa 147 liền kề, không có lối đi ra. Trước đây vợ chồng ông Nông Văn N, bà Võ Thị X cho ông, bà đi qua thửa đất 147 có lối đi chiều ngang khoảng 1,3m, nay vì lối đi quá nhỏ ông, bà đã thương lượng với vợ chồng ông N, bà X mở lối đi chiều ngang 2,5m đi qua thửa 147 và đền bù giá trị đất mở lối đi nhưng ông N, bà X không đồng ý nên khởi kiện yêu cầu Tòa án mở lối đi. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là *“Yêu cầu mở lối đi qua bất động sản liền kề”* là có căn cứ.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn vợ chồng ông Nông Văn N, bà Võ Thị X thấy rằng:

[2.1] Nguồn gốc diện tích thửa đất 174,175 từ bản đồ số 13 tọa lạc tại thôn Tân L, xã Tân V, huyện L là của gia đình ông T, bà H hiện đang sử dụng đã được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1997. Giáp thửa đất 174,175 của gia đình ông T, bà H là thửa đất 147 từ bản đồ số 13 tọa lạc tại thôn Tân L, xã Tân V, huyện L của gia đình ông N, bà X đã được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông N, bà X năm 2009. Hiện nay diện tích đất thửa 174,175 bị vây bọc bởi suối và thửa 147 để đi ra đường công cộng không có lối đi nào khác phải đi qua thửa 147. Nguyên đơn cho rằng trước đây bị đơn cho đi nhờ qua thửa đất số 147 để đi ra đường công cộng là một lối mòn có chiều rộng khoảng 1,2m nhưng nay không cho đi nên khởi kiện yêu cầu mở lối đi với chiều ngang là 2,5m đi qua thửa 147 để vào thửa đất 174, 175 để thuận tiện cho việc canh tác. Còn ông N, bà X trình bày không có việc ngăn cản vẫn để cho nguyên đơn đi nhờ qua thửa đất 147 có chiều rộng khoảng 1.3m và không yêu cầu thanh toán lại giá trị của lối đi này do nguyên đơn không đồng ý nên xảy ra tranh chấp.

[2.2] Qua xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì thửa đất 174,175 hiện nay ông T, bà H đang sử dụng bị vây bọc bởi suối và thửa 147 ngoài lối đi qua thửa 147 thì không còn lối đi nào khác. Do đó, yêu cầu mở lối đi của nguyên đơn là có căn cứ để xem xét. Theo quy định tại Điều 254 Bộ luật Dân sự năm 2015 *“Chủ sở hữu có bất động sản bị vây bọc bởi các bất động sản của các chủ sở hữu khác mà không có hoặc không đủ lối đi ra đường công cộng, có quyền yêu cầu chủ sở hữu bất động sản vây bọc dành cho mình một lối đi hợp lý trên phần đất của họ...Chủ sở hữu bất động sản hưởng quyền lối đi qua phải đền bù cho chủ sở hữu bất động sản ...”* Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu khởi kiện của nguyên đơn mở 01 lối đi để đi vào thửa 174, 175 là có căn cứ, tuy nhiên việc mở lối đi của Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải tháo dỡ một phần nhà tạm,

nhà vệ sinh và một số cây trồng khác và công nhận phần diện tích mở lối đi này là của nguyên đơn là không đúng gây ảnh hưởng đến quyền lợi về tài sản của bị đơn.

[2.3] Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 07/1/2022 ngoài lối đi như cấp sơ thẩm đã mở thì còn có một lối đi khác qua thửa 147 để đi vào thửa 174, 175 của nguyên đơn nhưng vẫn đảm bảo quyền lợi về tài sản của bị đơn cũng như giá trị sử dụng của các thửa đất. Theo kết quả đo đạc ngày 01/4/2022 do Công ty An Thịnh đo đạc thể hiện diện tích mở lối đi có chiều ngang 2,5m, diện tích 202,5m² thuộc một phần thửa 147, tờ bản đồ số 13 (trên đất có 14 trụ hàng rào, 01 trụ tiêu, lưới B40 chạy dài theo trụ bê tông chiều dài 750m, cao 1,5m, cây ăn quả, 01 cây mít, 01 cây sung) là phù hợp để mở 01 lối đi chung để đi vào thửa 174, 175.

[2.4] Diện tích đất mở lối đi theo kết quả đo vẽ ngày 01/4/2022 có diện tích 202.5m² theo chứng thư thẩm định giá là 39.760.900 đồng. Đại diện theo uỷ quyền của bị đơn cho rằng giá trị định giá trên là không đúng với giá thị trường nên đề nghị xem xét lại. Qua xem xét thì trong phần diện tích đất mở lối đi này có 168m² là đất nằm trong hành lang an toàn bảo vệ nguồn nước theo Nghị định số 43/2015/NĐ-CP nên phần diện tích đất này chỉ xác định theo đơn giá đất HNK theo Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 25/3/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc ban hành Bảng điều chỉnh giá các loại đất năm 2020 trên địa bàn huyện L có giá trị 11.191.800 đồng, còn phần diện tích nằm ngoài hành lang an toàn bảo vệ nguồn nước 40.30m² được xác định theo giá thị trường 26.880.100 đồng là phù hợp nên yêu cầu này của bị đơn là không có cơ sở để xem xét. Đối với các tài sản có trên đất: 14 trụ hàng rào, 01 trụ tiêu, lưới B40 chạy dài theo trụ bê tông chiều dài 750m, cao 1,5m, 01 cây mít, 01 cây sung có giá trị không lớn nên các đương sự không yêu cầu tính giá trị và tự tháo dỡ nên Hội đồng xét xử không xem xét. Do đó cần buộc nguyên đơn có nghĩa vụ thanh toán giá trị quyền sử dụng đất đối với phần diện tích mở lối đi chung cho bị đơn là 39.760.900 đồng.

Từ những phân tích trên cần chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng đã nhận định.

[2.5] Về chi phí tố tụng: Tại giai đoạn phúc thẩm, bị đơn ông Nông Văn N và bà Võ Thị X có đơn yêu cầu xem xét thẩm định tại chỗ chi phí 2.600.000 đồng, số tiền này ông N, bà X đã nộp và đã quyết toán xong. Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận nên buộc ông Lê Xuân T, bà Ngô Thị H có trách nhiệm thanh toán lại cho ông N, bà X số tiền này.

Nguyên đơn ông Lê Xuân T có yêu cầu đo đạc và thẩm định giá chi phí hết 14.059.000 đồng số tiền này ông T tự nguyện chịu và đã quyết toán xong.

[4] Về án phí: Do kháng cáo của bị đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền thanh toán cho bị đơn là 39.760.900 đồng (làm tròn 39.760.000đ) x 5% = 1.988.000 đồng

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn vợ chồng ông Nông Văn N, bà Võ Thị X. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 69/2021/DSST ngày 17/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng ông Lê Xuân T, bà Ngô Thị H về việc “*Yêu cầu mở lối đi qua bất động sản liền kề*” với bị đơn vợ chồng ông Nông Văn N, bà Võ Thị X.

Buộc ông Nông Văn N, bà Võ Thị X mở 01 lối đi có diện tích 202,5m² thuộc một phần thửa 147, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại thôn Tân L, xã Tân V, huyện L làm lối đi chung đi qua các thửa 147, 174, 175 có kích thước cụ thể như sau: chiều rộng giáp thửa 147 là 2,5m và giáp thửa 174 là 2,5m. (có trích lục họa đồ kèm theo).

Buộc vợ chồng ông Lê Xuân T, bà Ngô Thị H có nghĩa vụ thanh toán giá trị đất mở lối đi cho vợ chồng ông Nông Văn N, bà Võ Thị X là 39.760.900 đồng.

Buộc vợ chồng ông Nông Văn N, bà Võ Thị X có nghĩa vụ tháo dỡ 14 trụ hàng rào, 01 trụ tiêu, lưới B40 chạy dài theo trụ bê tông chiều dài 750m, cao 1,5m, 01 cây mít, 01 cây sung trên phần diện tích mở lối đi chung.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc vợ chồng ông Lê Xuân T, bà Ngô Thị H có trách nhiệm thanh toán lại cho vợ chồng ông Nông Văn N, bà Võ Thị X số tiền 2.600.000 đồng.

3. Về án phí:

Buộc vợ chồng ông Lê Xuân T và bà Ngô Thị H phải chịu 1.988.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 375.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000737 ngày 14/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L. Ông T, bà H còn phải nộp số tiền 1.613.000 đồng tiền án phí sơ thẩm còn thiếu.

Hoàn trả cho ông Nông Văn N số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0002664 ngày 25/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

Hoàn trả cho bà Võ Thị X số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0002661 ngày 25/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Châu Thạch

Lê Thị Vân

Nguyễn Thành Tâm

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ &THA;
- TAND H. Lâm Hà;
- Chi cục Thi hành án dân sự H. Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Tâm

